|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH TRÀ VINH**  Số: /2022/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư**

**trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 29 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số*[*45/2012/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-45-2012-nd-cp-khuyen-cong-220df.html)*ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số*[*43/2014/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-dat-dai-38518.html)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số*[*44/2014/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-44-2014-nd-cp-quy-dinh-ve-gia-dat-384e8.html)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số*[*45/2014/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-45-2014-nd-cp-thu-tien-su-dung-dat-3944e.html)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số*[*46/2014/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-46-2014-nd-cp-thu-tien-thue-dat-thue-mat-nuoc-3944f.html)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số*[*47/2014/NĐ-CP*](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-47-2014-nd-cp-boi-thuong-ho-tro-tai-dinh-cu-khi-nha-nuoc-thu-hoi-dat-384e0.html)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;*

*Xét Tờ trình số ……./TTr-UBND ngày ….. tháng …. năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế: *Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND* ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; *Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND* ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 14 quy định một số chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; *Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND* ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; *Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND* ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.**Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, khóa X - kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTVQH, Chính phủ;  - Các Bộ: Tư pháp, KH&ĐT, Tài chính; Công Thương  - Ban Công tác đại biểu – UBTVQH;  - Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;  - TT.TU, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Sở: TP, KH&ĐT, TC, CT, TN&MT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH, VH-TT&DL, KH&CN, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;  - Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;  - Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;  - Đài PT-TH, Báo Trà Vinh ;  - Trung tâm TH-CB tỉnh;  - Website Chính phủ;  - Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH**  **Kim Ngọc Thái** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày...tháng...năm 2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định các nội dung hỗ trợ đầu tư đối với các hoạt động đầu tư kinh doanh thực hiện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Quy định này không áp dụng đối với:

a) Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa.

b) Dự án đầu tư nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [100/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-100-2015-nd-cp-phat-trien-quan-ly-nha-o-xa-hoi-295027.aspx) ngày 20 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh *(sau đây gọi chung là nhà đầu tư)* có dự án đáp ứng điều kiện hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này;

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này.

**Điều 3. Lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư**

1. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư**

Thực hiện theo Nghị định số 31/202021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

**Điều 5. Điều kiện áp dụng**

1. Đối với dự án đầu tư

Đề xuất dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư trên địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối với nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư không có vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, môi trường và các quy định pháp luật khác;

b) Nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền chấp thuận Chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các văn bản có giá trị tương đương;

**Điều 6. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định này trên nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Việc sử dụng đất thực hiện dự án phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

3. Trường hợp Chính phủ ban hành mới quy định điều chỉnh chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư thì nhà đầu tư áp dụng theo quy định của Chính phủ.

4. Nhà đầu tư được lựa chọn chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất và chỉ được hưởng một lần cho cùng một nội dung chi hỗ trợ, riêng đối với nội dung hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

**Chương II**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

**Điều 7. Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng**

1. Bồi thường, giải phóng mặt bằng giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước; đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

**Điều 8.** **Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án**

1. Trong hàng rào dự án

a) Điều kiện hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ  
cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 3% tổng mức đầu tư dự án để xây  
dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án. Tổng mức hỗ trợ  
không quá 03 tỷ đồng/dự án.

2. Ngoài hàng rào dự án

a) Đối với dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phù hợp với tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thuộc danh mục lĩnh vực hoặc danh mục địa bàn khuyến khích đầu tư, ngân sách tỉnh sẽ đầu tư xây dựng đường giao thông *(bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)* dẫn đến chân hàng rào của dự án và được triển khai kịp thời với thời gian triển khai dự án của nhà đầu tư. Các công trình cấp điện, cấp nước,… các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.

b) Đối với nhà đầu tư đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông *(bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng),* điện trung thế, cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào của dự án để xây dựng các công trình trên.

3. Nhà đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn theo quy hoạch, sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng được hỗ trợ như sau:

- Vốn đầu tư từ trên 02 tỷ đồng đến 04 tỷ đồng được hỗ trợ 200 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ trên 04 tỷ đồng đến 07 tỷ đồng được hỗ trợ 300 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ trên 07 tỷ đồng được hỗ trợ 400 triệu đồng.

**Điều 9. Hỗ trợ tuyển dụng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

1. Hỗ trợ tuyển dụng lao động

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động cho nhà đầu tư, nhà đầu tư có nhu cầu tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch về cơ cấu tuyển dụng, liên hệ với cơ quan chức năng để được cung cấp thông tin về nguồn lao động tại địa phương và tư vấn về việc tuyển dụng lao động. Thiết lập mối quan hệ với các địa phương, các cơ sở đào tạo giúp cho nhà đầu tư tuyển dụng lao động và hoàn thành việc đào tạo theo yêu cầu. Nhà đầu tư thực hiện tuyển dụng lao động được hỗ trợ 50% chi phí thông tin, thông báo tuyển dụng lao động trên Đài phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Đài truyền thanh cấp huyện. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án đầu tư.

2. Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

a) Đối với dự án đầu tư sử dụng thường xuyên từ 50 lao động đến dưới 5.000 lao động, hoặc từ 25 lao động nữ trở lên, hoặc từ 10 lao động là người dân tộc thiểu số trở lên, nếu có nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động, phát triển nguồn nhân lực, nhà đầu tư xây dựng kế hoạch đào tạo và đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo sẽ được hỗ trợ đối với từng trường hợp sau khi được đào tạo hoàn thành khóa học; mỗi dự án chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần và mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo 01 (một) lần, cụ thể như sau:

- Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.500.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 (ba) tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 750.000 đồng/người. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 350.000.000 đồng/dự án.

- Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp kết hợp với cơ sở dạy nghề tự đào tạo tại chỗ: có thời gian đào tạo từ 03 (ba) tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 750.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 (ba) tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 500.000 đồng/người.Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 200.000.000 đồng/dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động, được Nhà nước hỗ trợ đối với từng trường hợp sau khi được đào tạo hoàn thành khóa học, cụ thể như sau:

- Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh có thời gian đào tạo từ 03 (ba) tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.500.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 (ba) tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 750.000 đồng/người. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 550.000.000 đồng/dự án.

- Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp kết hợp với cơ sở dạy nghề tự đào tạo tại chỗ: có thời gian đào tạo từ 03 (ba) tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 750.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 (ba) tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 500.000 đồng/người. Tổng kinh phí tối đa không quá 300.000.000 đồng/dự án.

**Điều 10. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước**

1. Điều kiện áp dụng

a) Cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện di dời theo Quyết định của cơ quan Nhà nước vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

b) Việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về Đất đai và pháp luật khác có liên quan;

c) Nhà đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, bao gồm: Quyết định di dời/thu hồi địa điểm sản xuất, kinh doanh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy phép xây dựng của dự án đầu tư tại vị trí mới do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất; Giấy xác nhận của cấp xã về thời gian doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất đã ngừng hoạt động tại vị trí cũ và tổ chức di dời.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng: Theo thực tế, nhưng không vượt quá mức quy định sau:

- Đối với nhóm ngành chế biến hải sản, sản xuất nước đá, xay xát lương thực 70 triệu đồng/doanh nghiệp; 30 triệu đồng/hộ kinh doanh;

- Đối với nhóm ngành còn lại được hỗ trợ 30 triệu đồng/doanh nghiệp; 10 triệu đồng/hộ kinh doanh.

b) Hỗ trợ ổn định đời sống cho người lao động trong thời gian tạm ngưng hoạt động sản xuất: Các cơ sở, doanh nghiệp di dời được ngân sách hỗ trợ một lần bằng với mức lương cơ sở nhân với tổng số lao động có thời gian làm việc thường xuyên từ 03 tháng trở lên *(phải có đăng ký trước).*

c) Hỗ trợ di dời sớm: Hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tích cực thực hiện sớm việc di dời trong 06 tháng kể từ khi có quyết định di dời theo mức 40 triệu đồng/doanh nghiệp và 20 triệu đồng/hộ kinh doanh.

d) Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã di dời vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế (hỗ trợ sau khi đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 30% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 (hai) năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp và không quá 100 triệu đồng/hộ kinh doanh. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất của các Ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Điều 11. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giới thiệu sản phẩm**

1. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) cho 01 người/nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhà đầu tư nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được Ủy ban nhân dân tỉnh mời làm đầu mối tham gia cùng đoàn của tỉnh đi xúc tiến đầu tư nước ngoài.

2. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư là cơ sở sản xuất sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đang hoạt động trên địa bàn tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm, tìm kiếm, mở rộng, phát triển thị trường, cụ thể như sau:

a) Nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài thì được hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng nhưng phải được cơ quan chuyên ngành về xúc tiến thương mại thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/năm.

b) Khi tham gia các cuộc hội chợ, triển lãm trong nước được tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ, triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/năm.

c) Hỗ trợ 70% vé máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) 01 lần/năm cho nhà đầu tưchế biến hàng nông sản, thủy sản, thức ăn chăn nuôi đi khảo sát, tìm kiếm phát triển thị trường tại nước ngoài phù hợp với ngành nghề. Số người được hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

d) Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng website, đăng ký sản phẩm trên sàn giao dịch điện tử tối đa không quá 10 triệu đồng.

đ) Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng điểm bán hàng với tên gọi “Tự hào Hàng Việt” *(ưu tiên hàng hóa sản xuất tại tỉnh Trà Vinh)* tối đa không quá 80 triệu đồng/điểm, mỗi huyện 01 (một) điểm bán hàng, mỗi thị xã, thành phố không quá 02 (hai) điểm bán hàng *(ưu tiên hàng sản xuất tại Việt Nam).*

3. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến du lịch

Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng điểm trưng bày sản phẩm quà tặng du lịch (bao gồm chi phí xây dựng nhà, kệ, tủ, biển hiệu) nhưng không quá 100 triệu đồng/điểm tại các điểm du lịch nằm trong quy hoạch của tỉnh. Ngoài ra mỗi huyện, thị xã, thành phố sẽ được hỗ trợ thêm không quá 02 (hai) điểm trưng bày.

4. Hỗ trợ giới thiệu về sản phẩm

a) Hỗ trợ miễn phí trong việc quảng cáo, giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp, sản phẩm trên Trang thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh *(tại địa chỉ https://travinh.gov.vn)*, Cổng thông tin điện tử Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tỉnh Trà Vinh *(tại địa chỉ* [*https://doanhnghiep.travinh.gov.vn*](https://doanhnghiep.travinh.gov.vn)*)* và Trang thông tin điện tử của các Sở, ban ngành, địa phương nếu nhà đầu tư có đề nghị;

b) Được xem xét, hỗ trợ giới thiệu thông tin, hình ảnh về nhà đầu tư và sản phẩm trong các ấn phẩm quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh.

**Điều 12. Hỗ trợ cung cấp thông tin, thành lập doanh nghiệp**

1. Nhà đầu tư được cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, kinh doanh, quy hoạch phát triển, ngành nghề, lĩnh vực, danh mục dự án kêu gọi, ưu đãi đầu tư; tiếp cận quỹ đất khi nghiên cứu, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Nhà đầu tư được hỗ trợ, tư vấn miễn phí về thủ tục thành lập doanh nghiệp; hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, thủ tục về đất đai, thủ tục về xây dựng, thủ tục về môi trường và các thủ tục hành chính khác khi có nhu cầu.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

1. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí một khoản kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách từ nguồn vốn sự nghiệp và đầu tư công để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

2. Trừ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng quy định tại Điều 7, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 8, các khoản hỗ trợ còn lại theo quy định này được thực hiện sau đầu tư.

3. Dự án đầu tư được hỗ trợ theo quy định này phải đảm bảo tiến độ xây dựng theo Giấy chứng nhận đầu tư, sau 12 *(mười hai)* tháng nhà đầu tư không triển khai hoặc dự án chậm tiến độ quá 12 *(mười hai)* tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, thì nhà đầu tư phải hoàn trả kinh phí đã hỗ trợ cho ngân sách.

**Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Nhà đầu tư đang hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã cấp và được quyền đề nghị hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này đối với các nội dung hỗ trợ đầu tư còn lại.

2. Đối với các dự án đang triển khai, chưa được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, nếu đủ điều kiện thì được hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Ngoài các chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này, nhà đầu tư được hưởng các chính sách khác về thuế, đất đai theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết theo quy định của pháp luật về đầu tư hiện hành và quy định của chính sách này thì nhà đầu tư phải có trách nhiệm bồi hoàn các khoản ưu đãi, hỗ trợ cho Nhà nước và phải chịu xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo quy định này; trong quá trình thực hiện nếu có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Kim Ngọc Thái** |